TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ- ST
Ngày 14-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị X1 và anh C1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Bá Đặng;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.
Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 148/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn xxx, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Bùi Sỹ C1, sinh năm 1989, Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X1 trình bày: Chị và anh C1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã T 2 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 19/12/2016. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 6/2017, vợ chồng sống ly thân, nguyên nhân do tính tình không hợp. Hiện nay, vợ chồng không sống cùng nhau , không còn yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C1. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Tâm N1, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017; hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2018, bị đơn là anh C1 trình bày giống nguyên đơn về thời gian kết hôn ; về con chung, về việc vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh xác định: Tháng 6/2017, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị X1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị làm ăn và sinh sống; nguyên nhân mâu thuẫn là do khác nhau về văn hóa vùng miền. Anh không đồng ý ly hôn; đề nghị giao con cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con ; anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tòa án đã triệu tập các đương sự đến hòa giải nhưng anh vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị X1 ly hôn anh C1; giao con chung là là Bùi Thị Tâm N1, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị X1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Chị X1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị X1 phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa bị đơn vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị X1 và anh C1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Mặc dù anh C1 không đồng ý ly hôn nhưng kết quả xác minh tại địa phương và gia đình anh C1 cho thấy: Khi vợ chồng chị X1- anh C1 mâu thuẫn, gia đình đã hòa giải nhưng không thành; từ tháng 6/2017, chị X1 đã bỏ đi. Từ đó, chị không quay về chung sống với anh C1 nữa; vợ chồng mỗi người một nơi. Chính anh C1 cũng xác định: Khi anh và gia đình khuyên bảo thì chị X1 kiên quyết không trở về chung sống nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị X1- anh C1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị X1 ly hôn anh C1.

[3].Về con chung: Anh C1 vắng mặt, con chung dưới dưới 36 tháng tuổi nên cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng như nguyện vọng của chị. Chị X1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra việc cấp dưỡng đối với anh C1.

[4].Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không

đặt ra giải quyết.

[5].Về án phí: Nguyên đơn là chị X1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X1 ly hôn anh Bùi Sỹ C1.

2. Về con chung: -Xử giao con chung Bùi Thị Tâm N1, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị X1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001461 ngày 07/06/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị X1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng

Nơi nhận:
- Đương sự;
-UBND xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.